

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24/4/2015;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 tổ chức ngày 21/04/2017,

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Sông Đà 5

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2016 và Kế hoạch SXKD năm 2017 như sau:
 - a. Thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2016:
 - Tổng giá trị SXKD: 1.421,37 tỷ đồng/KH 1.527,19 tỷ đồng, đạt 93% KH năm.
 - Tổng doanh thu: 1.466,95 tỷ đồng /KH 1.659,50 tỷ đồng, đạt 88% KH năm.
 - Lợi nhuận trước thuế: 52,29 tỷ đồng/KH 70,10 tỷ đồng, đạt 75% KH năm.
 - Lợi nhuận sau thuế: 41,51 tỷ đồng/KH 57,28 tỷ đồng, đạt 72% KH năm.
 - Nộp Ngân sách Nhà nước: 40,39 tỷ đồng/KH 63,19 tỷ đồng, đạt 64% KH năm.
 - Tổng tài sản: 1.972,39 tỷ đồng/KH 2.257,40 tỷ đồng, đạt 87% KH năm.
 - Thu nhập bình quân: 10.330.000 đồng/người/tháng/KH 8.980.000 đồng, đạt 115% KH năm.
 - Tỷ lệ trả cổ tức: 16%/KH15% đạt 107%.
 - b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với những chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2017	Ghi chú
A	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁹ đ	1.520,07	
1	Giá trị kinh doanh xây lắp (Cty mẹ)	10 ⁹ đ	1.520,07	
a	Có hợp đồng xây lắp	10 ⁹ đ	1.027,26	
b	Chưa có Hợp đồng XL	10 ⁹ đ	492,80	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2017	Ghi chú
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
I	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 ⁹ đ	1.520,07	
II	Doanh số bán hàng (1+2)	10 ⁹ đ	1.617,33	
1	Doanh thu	10 ⁹ đ	1.545,00	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 ⁹ đ	72,33	
III	Lợi nhuận			
1	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	71,09	
2	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	56,87	
3	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	4,60%	
-	Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	21,87%	
-	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	10,50%	
-	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	3,16%	
4	Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến	%	16%	
IV	Các khoản nộp Nhà nước			
1	Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)	10 ⁹ đ	56,70	
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	41,72	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	16,80	
2	Các khoản đã nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	49,30	
a	Các khoản nộp Ngân sách	10 ⁹ đ	32,50	
b	Các khoản phải nộp khác	10 ⁹ đ	16,80	
V	Tiền lương và thu nhập			
1	CBCNV bình quân	người	1.502,00	
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁹ đ	160,08	
3	Các khoản thu nhập khác	10 ⁹ đ	5,00	
4	Tiền lương bình quân tháng/người	10 ⁶ đ	8,88	
5	Thu nhập bình quân tháng/người	10 ⁶ đ	9,16	
VI	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ			
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10 ⁹ đ	960,00	
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	63,00	
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	6,56%	
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁹ đ	1.116,03	

01/01/2017
 SỔ SỔ C C
 VIAM

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2017	Ghi chú
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	1.226,03	
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10 ⁹ đ	248,07	
VII	Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ		512,09	
1	Vay ngắn hạn	10 ⁹ đ	400,00	
2	Vay trung và dài hạn	10 ⁹ đ	112,09	
VIII	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10⁹đ	541,60	
1	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	259,99	
	Trong đó: Vốn nhà nước	10 ⁹ đ	166,80	
2	Quỹ đầu tư phát triển	10 ⁹ đ	143,06	
3	Thặng dư vốn cổ phần	10 ⁹ đ	43,13	
4	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 ⁹ đ	10,60	
5	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁹ đ	84,82	
IX	Tổng tài sản cuối kỳ	10⁹đ	1.800,00	
X	Nợ phải trả cuối kỳ		1.258,40	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,84	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,32	
D	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU			
1	Phân đào đắp			
a	Tổng khối lượng đào đất	1000m ³	1.021,81	
b	Tổng khối lượng đào đá	1000m ³	1.122,72	
c	Tổng khối lượng đắp đá	1000m ³	307,38	
2	Phân xây lắp			
a	Tổng khối lượng bê tông RCC	1000m ³	1.286,64	
b	Tổng khối lượng bê tông CVC	1000m ³	240,74	
c	Tổng khối lượng cốt thép KC	tấn	4.888,49	
d	Tổng khối lượng cốp pha	1000m ²	139,95	
E	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	10⁹đ	128,94	
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	10 ⁹ đ	128,94	

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016; Phương hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2017.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016.

TT	Nội dung	Phân chia		Ghi chú
		Tỷ lệ	Số tiền (VNĐ)	
I	Lợi nhuận và nghĩa vụ ngân sách năm 2016			
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2016			
-	Công ty mẹ		40.385.470.475	
-	Hợp nhất		52.285.482.753	
2	Thuế TNDN hiện hành		10.063.726.956	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2016			
-	Công ty mẹ		30.321.743.519	
-	Hợp nhất		40.116.894.195	
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2015 chưa phân phối			
-	Công ty mẹ		33.228.598.418	
-	Hợp nhất		7.881.248.357	
5	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến năm 2016			
-	Công ty mẹ		63.550.341.937	
-	Hợp nhất		47.998.142.552	
6	Lợi nhuận phục vụ phân phối		47.998.142.552	
II	Phân phối lợi nhuận		47.998.142.552	
1	Quỹ đầu tư phát triển	0%	-	
2	Trích quỹ dự trữ bổ sung VDL	5%		
2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13%	6.398.385.752	
-	Quỹ khen thưởng		3.839.031.451	60%
-	Quỹ phúc lợi		2.559.354.301	40%
3	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2016 (16% Vốn	86,7%	41.599.756.800	

	điều lệ)			
III	Lợi nhuận chưa phân phối			
-	Công ty mẹ		15.552.199.385	
-	Hợp nhất			-

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.856 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

6. Thông qua Tờ trình việc chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2016 và Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2017.
 - a. Tổng mức chi trả năm 2016 là 856.251.753/KH 1.156.000.000 đạt 75,37% kế hoạch, mức chi trả thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện nghiêm túc theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
 - b. Kế hoạch chi trả năm 2017:

STT	Nội dung	Số người	Thù lao 1 tháng	Lương 1 tháng
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	01		35.000.000
2	Ủy viên HĐQT độc lập	01	6.000.000	
3	Trưởng Ban kiểm soát	01		20.000.000
5	Thành viên Ban kiểm soát	02	4.000.000	
6	Thư ký Công ty	01	4.000.000	

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.756 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

7. Thông qua tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2017 là Công ty TNHH KPMG (KPMG)

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.756 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

8. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 18.612.756 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

9. Thông qua nội dung thay thế thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Đỗ Quang Lợi và chấp thuận việc bổ nhiệm ông Trần Anh Đức – Tổ trưởng người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty cổ phần Sông Đà 5 giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2020.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 17.541.126 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10. Thông qua nội dung miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát Công ty:

10.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty đối với Ông Lê Ngọc Minh.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 17.541.126 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

10.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã bầu bà Nguyễn Hồng Vân, Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ, hiện đang giữ chức vụ Tổ trưởng tổ thư ký Hội đồng thành viên Tổng Công ty Sông Đà giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 5 thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2020.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 17.541.126 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 5 triển khai, thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo kết quả thực hiện vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 5 và các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Quyết nghị thực hiện ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- ĐHĐCD;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Ban giám đốc Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Trần Văn Huyền